

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11330/BCT-TTTN*V/v điều hành kinh doanh xăng dầu**Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2015***Kính gửi:** Các thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu

Căn cứ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu (sau đây gọi tắt là Nghị định số 83/2014/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Liên Bộ Công Thương - Tài chính Quy định về phương pháp tính giá cơ sở; cơ chế hình thành, quản lý, sử dụng Quỹ Bình ổn giá và điều hành giá xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu (sau đây gọi tắt là Thông tư số 39/2014/TTLT-BCT-BTC);

Căn cứ Quyết định số 53/2012/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống;

Căn cứ Thông báo số 19/TB-VPCP ngày 26 tháng 01 năm 2015 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp về cơ chế giá đối với xăng E5;

Căn cứ thực tế diễn biến giá thành phẩm xăng dầu thế giới kể từ ngày 19 tháng 10 năm 2015 đến hết ngày 02 tháng 11 năm 2015 (sau đây gọi tắt là kỳ công bố) và căn cứ nguyên tắc tính giá cơ sở theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC;

Liên Bộ Công Thương - Tài chính công bố giá cơ sở các mặt hàng xăng dầu tiêu dùng phổ biến trên thị trường, như sau:

<i>Mặt hàng</i>	<i>Giá cơ sở kỳ trước liền kề, điều hành ngày <u>1</u> 19/10/2015 (đồng/lít,kg)</i>	<i>Giá cơ sở kỳ công bố <u>2</u> (đồng/lít,kg)</i>	<i>Chênh lệch giữa giá cơ sở kỳ công bố với giá cơ sở kỳ trước liền kề (đồng/lít,kg)</i>	<i>Chênh lệch giữa giá cơ sở kỳ công bố với giá cơ sở kỳ trước liền kề (%)</i>
	(1)	(2)	(3)=(2)-(1)	(4)=[(3):(1)]x100
1. Xăng RON 92	18.113	17.122	-991	-5,47
2. Xăng E5	17.618	16.737	-881	-5,00
3. Dầu diesel 0.05S	13.945	13.513	-432	-3,10
4. Dầu hỏa	13.004	12.523	-481	-3,70
5. Dầu Madút 180CST 3.5S	9.887	9.571	-316	-3,20

Trước những diễn biến giá thành phẩm xăng dầu thế giới trong thời gian gần đây và thực hiện điều hành giá xăng dầu theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, Liên Bộ Công Thương - Tài chính quyết định:

1. Quỹ Bình ổn giá xăng dầu

- Trích lập Quỹ Bình ổn giá xăng dầu đối với xăng khoáng là 300 đồng/lít.
- Giữ nguyên mức trích lập Quỹ Bình ổn giá xăng dầu đối với các mặt hàng xăng dầu khác như hiện hành.

2. Giá bán xăng dầu

Sau khi thực hiện việc trích lập Quỹ Bình ổn giá xăng dầu tại Mục 1 nêu trên, giá bán các mặt hàng xăng dầu tiêu dùng phổ biến trên thị trường không cao hơn mức giá:

- Xăng RON 92: không cao hơn 17.232 đồng/lít;
- Xăng E5: không cao hơn 16.737 đồng/lít;
- Dầu diesel 0.05S: không cao hơn 13.513 đồng/lít;
- Dầu hỏa: không cao hơn 12.523 đồng/lít;
- Dầu mazút 180CST 3.5S: không cao hơn 9.571 đồng/kg.

3. Thời gian thực hiện

- Trích lập Quỹ Bình ổn giá xăng dầu đối với các mặt hàng xăng dầu: Áp dụng từ 15 giờ 00 ngày 03 tháng 11 năm 2015.

- Điều chỉnh giá bán các mặt hàng xăng dầu: Do thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu quy định nhưng không muộn hơn 15 giờ 00 ngày 03 tháng 11 năm 2015.

- Kể từ 15 giờ 00 ngày 03 tháng 11 năm 2015, là thời điểm Liên Bộ Công Thương - Tài chính công bố giá cơ sở kỳ công bố tại Công văn này cho đến trước ngày Liên Bộ Công Thương - Tài chính công bố giá cơ sở kỳ kế tiếp, việc điều chỉnh giá bán các mặt hàng xăng dầu do thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu quyết định phù hợp với các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, Thông tư Liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC.

Bộ Công Thương thông báo để các thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu biết, thực hiện và báo cáo tình hình thực hiện về Liên Bộ Công Thương - Tài chính để giám sát theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ Công Thương (b/c);
- Lãnh đạo Bộ Tài chính (b/c);
- Cục Quản lý Giá, Thanh tra Bộ (BTC);
- Cục Quản lý thị trường (BCT);
- Hiệp hội Xăng dầu Việt Nam (để biết);
- Lưu: VT, TTTN.

**TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ THỊ TRƯỞNG
TRONG NƯỚC**

Võ Văn Quyền

Giá thành phẩm xăng dầu thế giới 15 ngày
(19/10/2015 - 02/11/2015)

TT	Ngày	X92	Dầu hỏa	Do0,05	FO 3,5S	LNH	VCB bán
1	19/10/15	59.500	58.770	58.790	241.280	21,890	22,350
2	20/10/15	57.040	57.590	57.520	235.240	21,890	22,355
3	21/10/15	56.900	57.230	57.330	237.510	21,890	22,340
4	22/10/15	57.700	57.840	58.150	238.090	21,890	22,320
5	23/10/15	58.240	58.360	58.570	237.040	21,890	22,340
6	24/10/15						
7	25/10/15						
8	26/10/15	57.970	57.600	57.940	236.680	21,890	22,350
9	27/10/15	57.240	56.550	56.630	235.450	21,890	22,350
10	28/10/15	57.600	57.070	56.920	236.050	21,890	22,350
11	29/10/15	59.390	58.650	58.390	243.780	21,890	22,360
12	30/10/15	58.740	58.500	58.320	242.350	21,890	22,345
13	31/10/15						
14	1/11/15						
15	2/11/15	58.910	59.990	59.570	246.180	21,890	22,330
	Bquân	58.112	58.014	58.012	239.059	21,890	22,345

* Giá thành phẩm xăng dầu được giao dịch thực tế trên thị trường Singapore và lấy theo mức giá giao dịch bình quân hàng ngày (MOP's: Mean of Platt of Singapore) được công bố bởi Hãng tin Platt's (Platt Singapore).

1 Tính trên cơ sở mức trích lập Quỹ Bình ổn giá xăng dầu theo quy định là 300 đồng/lít xăng khoáng, 0 đồng/lít xăng E5 300 đồng/lít diesel, 300 đồng/lít dầu hỏa, 300 đồng/kg dầu madút.

2 Tính trên cơ sở mức trích lập Quỹ Bình ổn giá xăng dầu theo quy định là 200 đồng/lít xăng khoáng, 0 đồng/lít xăng E5 300 đồng/lít diesel, 300 đồng/lít dầu hỏa, 300 đồng/kg dầu madút.